

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

KIM GROWTH VN30 ETF

Số/No.: 20260331/FUEKIV30-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, March 31, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*  
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
*Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
  - Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF*
  - Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIV30*
  - Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
*Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
  - Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225*
  - Email: [etf@koreainvestment.com.vn](mailto:etf@koreainvestment.com.vn) Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính kiểm toán 2025**  
*Content of information disclosure: Audited Financial Statement for the year 2025*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>  
*This information was disclosed on Fund Management Company's portal on March 31, 2026, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025/  
*Audited Financial Statement for the year 2025*

**Đại diện công bố thông tin/**

**Representative to disclose information**



**HYUN DONGSIK**

Chủ tịch Hội đồng thành viên/ *Chairman of Members' Council*

## **Quỹ ETF KIM GROWTH VN30**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



## **Quỹ ETF KIM GROWTH VN30**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo kiểm toán độc lập	12 - 13
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22 - 57

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

### THÔNG TIN CHUNG

#### QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi công với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.909.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 190.900.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

#### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hyun DongSik, chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM Quỹ ETF KIM Growth VN30

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Nguyễn Đông Sik  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

##### 1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ").

##### 2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### 3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) là 52,72% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là 52,00%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 51,71% so với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

##### 4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN30 Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN30 Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VN30 hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

##### 5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

##### 6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 52/GCN-UBCK ngày 7 tháng 12 năm 2021, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

##### 7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

##### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 2.615.998.451.128 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.909.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 190.900.000 chứng chỉ quỹ.

##### 9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chỉ số VN30 tại thời điểm báo cáo là 2.030,63.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỔ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %
Danh mục chứng khoán	99,70	99,80	99,77
Các tài sản khác	0,30	0,20	0,23
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	2.615.998.451.128	1.779.364.005.267	575.620.476.005
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành (đơn vị)	190.900.000	198.300.000	77.200.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND)	13.703,50	8.973,09	7.456,22
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	13.703,50	9.095,79	8.287,97
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	7.779,17	7.456,05	6.565,05
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND)	13.770	8.970	7.500
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	13.770	9.180	8.330
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	8.020	7.490	6.560
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	52,72%	20,34%	-25,25%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ	0,88%	0,82%	0,94%
14	Tốc độ vòng quay danh mục	39,92%	9,47%	20,53%

(\*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

#### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tăng trưởng của NAV/CCQ</u>	<u>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</u>
1 năm	52,71%	52,71%
3 năm (*)	108,72%	27,80%
Từ khi thành lập (ngày 7/12/2021) (**)	37,39%	8,26%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	32,53%	7,29%

(\*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(\*\*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến nhiều biến động trong năm 2025, với kết thúc năm đạt mức 1784.49 điểm, và đạt mức sinh lời cả năm 41% – mức tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 2016.

Đầu tháng 4, Vn-Index đã có nhịp điều chỉnh lớn, giảm xuống mức 1.094,3 điểm, sau tuyên bố áp thuế qua lại của Trump. Sau tuyên bố của Trump rằng thuế quan sẽ được hoãn lại, VnIndex đã có nhịp tăng kéo dài đến cuối năm. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm cổ phiếu thuộc Vingroup tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt chỉ số chung. Tuy nhiên, thị trường ghi nhận sự luân chuyển tích cực sang các nhóm ngành phục hồi theo chu kỳ như công nghiệp, hạ tầng và tiêu dùng.

Đặc biệt, áp lực bán ròng từ khối ngoại đã chính thức hạ nhiệt và đảo chiều sang mua ròng khoảng 1.700 tỷ đồng trong tháng 12 trên cả ba sàn, tạo hiệu ứng tâm lý tích cực cho giai đoạn chót năm.

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<u>1 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>3 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>Từ khi thành lập</u>
	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>%</u>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	52,72	108,72	37,39
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	52,72	27,80	8,26
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	52,00	106,58	34,07
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	53,51	107,07	53,51

(\*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VN30 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (ngày 7 tháng 1 năm 2022).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

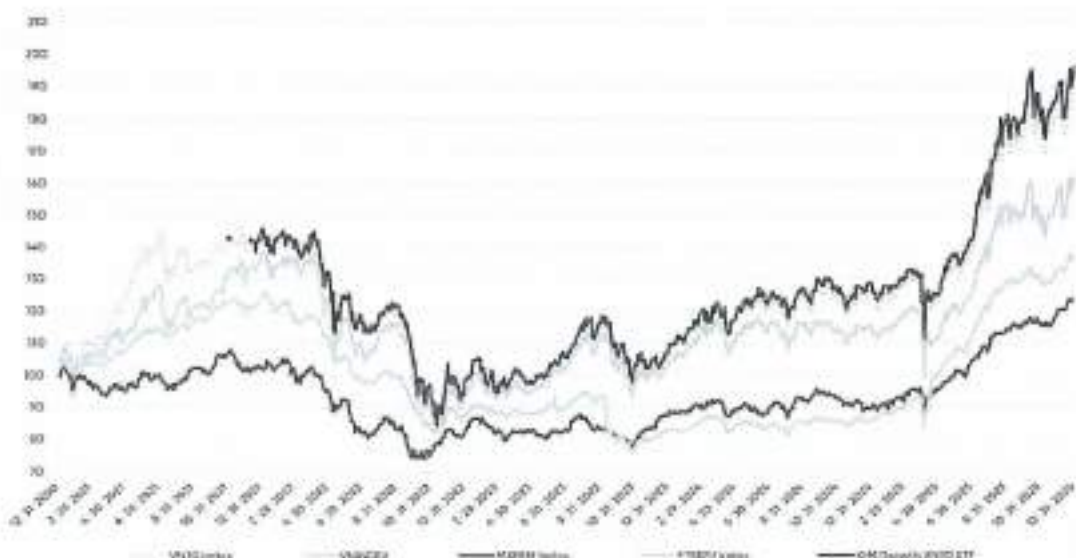
## Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> VND	<i>Tỷ lệ thay đổi 3 năm</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	2.615.998.451.128	1.779.364.005.267	575.620.476.005	354,47%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	13.703,50	8.973,09	7.456,22	83,79%

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

#### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

<i>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ %</i>
Dưới 5.000	394	211.437	0,11
Từ 5.000 đến 10.000	12	85.841	0,04
Từ 10.000 đến 50.000	10	168.622	0,09
Từ 50.000 đến 500.000	5	514.300	0,27
Trên 500.000	6	189.919.800	99,49
<b>Tổng cộng</b>	<b>427</b>	<b>190.900.000</b>	<b>100,00</b>

#### 3. Chi phí ngậm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngậm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

### V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2025, thị trường kinh tế và tài chính Việt Nam được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, đầu tư công mở rộng, dòng vốn FDI mạnh và sự phục hồi của xuất khẩu. Thị trường chứng khoán có triển vọng tăng trưởng nhờ lợi nhuận doanh nghiệp cải thiện và khả năng nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, các rủi ro từ kinh tế toàn cầu, căng thẳng thương mại và biến động chính sách tiền tệ vẫn có thể ảnh hưởng đến triển vọng thị trường.

### VI. THÔNG TIN KHÁC

**Thông tin về cơ cấu nhân sự Hội đồng thành viên và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

#### **Ông Hyun DongSik - Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Ông Hyun DongSik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun DongSik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun DongSik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

#### **Bà Oh Hae Yoon - Thành viên Hội đồng thành viên**

Bà Oh Hae Yoon đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Phoenix Asset Management, IBK Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, bà Oh Hae Yoon tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam, bà Oh Hae Yoon được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Thành viên kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM**  
**Quỹ ETF KIM Growth VN30**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**Thông tin về cơ cấu nhân sự Hội đồng thành viên và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên**

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025, ông Yun Hang Jin miễn nhiệm chức Tổng Giám Đốc và chỉ giữ chức Thành viên Hội đồng thành viên.

**Thông tin về Người điều hành Quỹ**

**Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ**

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

**Ông Vũ Giang Sơn - Người điều hành Quỹ**

Ông Vũ Giang Sơn sở hữu Chứng chỉ CFA và có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý sản phẩm đầu tư, quản trị rủi ro và tài chính. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị rủi ro và Quản lý tài sản tại NEOMA Business School (Pháp) và được cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ vào năm 2023. Trước khi gia nhập KIM VIỆT NAM từ tháng 02 năm 2021, ông đã làm việc tại các tổ chức tài chính uy tín như CTCP Chứng khoán BIDV, Techcombank và LR Global Partners.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**  
**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.



**Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Đoàn Thị Thu Hằng**



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12952890/69117023

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VN30**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 14 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Vũ Tiến Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO THU NHẬP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>956.679.994.963</b>	<b>177.865.201.056</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	11	39.224.291.750	23.926.613.870
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	25.598.413	12.826.236
04	1.3 Lợi nhuận bán các khoản đầu tư	12	227.723.801.875	4.333.605.843
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	689.706.302.925	149.592.155.107
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>2.346.829.147</b>	<b>325.101.671</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	13	2.346.829.147	325.101.671
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>		<b>16.399.237.439</b>	<b>9.418.674.745</b>
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		11.671.838.158	6.560.079.522
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	14	1.149.257.048	686.916.025
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		466.873.524	262.403.176
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		466.873.524	291.956.450
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		82.500.000	66.000.000
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	15	2.243.017.094	1.192.741.744
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		147.960.000	140.400.000
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	16	170.918.091	218.177.828
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>937.933.928.377</b>	<b>168.121.424.640</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>937.933.928.377</b>	<b>168.121.424.640</b>
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	10	248.227.625.452	18.529.269.533
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	10	689.706.302.925	149.592.155.107
<b>41</b>	<b>VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ</b>		<b>937.933.928.377</b>	<b>168.121.424.640</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Myun Dong Sik  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>6.490.654.449</b>	<b>2.652.502.659</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		6.490.654.449	2.652.502.659
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>2.611.047.019.600</b>	<b>1.777.721.489.800</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	2.611.047.019.600	1.777.721.489.800
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>		<b>1.315.800.000</b>	<b>915.650.000</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.315.800.000	915.650.000
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.618.853.474.049</b>	<b>1.781.289.642.459</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6	1.500.000	1.500.000
316	2. Chi phí phải trả	7	159.300.000	161.400.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	8	2.694.222.921	1.762.737.192
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.855.022.921</b>	<b>1.925.637.192</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF</b>		<b>2.615.998.451.128</b>	<b>1.779.364.005.267</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		1.909.000.000.000	1.983.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	2.488.000.000.000	2.333.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	9	(579.000.000.000)	(350.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(334.308.973.662)	(307.009.491.146)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	1.041.307.424.790	103.373.496.413
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>9</b>	<b>13.703,50</b>	<b>8.973,09</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-ETF

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	18	190.900.000	198.300.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Hyun DongSik  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Công ty TNHH Quản lý KIM VIỆT NAM  
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-ETF

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu năm</b>	<b>1.779.364.005.267</b>	<b>575.620.476.005</b>
II	<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>937.933.928.377</b>	<b>168.121.424.640</b>
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	937.933.928.377	168.121.424.640
III	<b>Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF</b>	<b>(101.299.482.516)</b>	<b>1.035.622.104.622</b>
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	152.138.680.878	1.044.026.947.892
III.2	- Khoản thanh toán từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	(253.438.163.394)	(8.404.843.270)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối năm</b>	<b>2.615.998.451.128</b>	<b>1.779.364.005.267</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
 Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như  
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Hyun Dong Sik  
 Chủ tịch Hội đồng thành viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 %
<b>I</b>	<b>CÓ PHIẾU NIÊM YẾT</b>			<b>2.607.291.798.600</b>	<b>99,56%</b>
1	ACB	3.696.712	24.000	88.721.088.000	3,39%
2	BCM	79.000	61.800	4.882.200.000	0,19%
3	BID	237.564	38.900	9.241.239.600	0,35%
4	BVH	987.277	35.750	35.295.152.750	1,35%
5	CTG	438.600	68.500	30.044.100.000	1,15%
6	FPT	2.764.875	95.800	264.875.025.000	10,11%
7	GAS	229.950	72.400	16.648.380.000	0,64%
8	GVR	305.900	26.200	8.014.580.000	0,31%
9	HDB	3.172.802	29.700	94.232.219.400	3,60%
10	HPG	8.133.226	26.400	214.717.166.400	8,20%
11	MBB	2.402.800	41.800	100.437.040.000	3,84%
12	MSN	3.410.001	25.300	86.273.025.300	3,29%
13	MWVG	1.671.500	77.000	128.705.500.000	4,91%
14	PLX	2.136.100	88.400	188.831.240.000	7,21%
15	POW	245.100	35.300	8.652.030.000	0,33%
16	SAB	272.400	49.000	13.347.600.000	0,51%
17	SHB	2.722.574	16.350	44.514.084.900	1,70%
18	SSB	1.322.462	17.450	23.076.961.900	0,88%
19	SSI	1.230.120	30.250	37.211.130.000	1,42%
20	STB	1.516.400	58.000	87.951.200.000	3,36%
21	TCB	3.299.900	34.900	115.166.510.000	4,40%
22	TPB	1.286.936	17.100	22.006.605.600	0,84%
23	VCB	778.979	57.500	44.791.292.500	1,71%
24	VHM	1.067.700	124.000	132.394.800.000	5,06%
25	VIB	1.729.239	17.750	30.693.992.250	1,17%
26	VIC	2.337.100	169.600	396.372.160.000	15,13%
27	VJC	513.100	209.000	107.237.900.000	4,09%
28	VNM	1.610.500	61.200	98.562.600.000	3,76%
29	VPB	4.030.500	28.650	115.473.825.000	4,41%
30	VRE	1.751.000	33.650	58.921.150.000	2,25%
<b>II</b>	<b>CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC</b>				
1	Quyền mua chứng khoán	1.231.220	3.050	3.755.221.000	0,14%
<b>III</b>	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>				
1	Dự thu cổ tức			1.315.800.000	0,05%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 %
III 1	<b>TIỀN</b> Tiền gửi ngân hàng			6.490.654.449	0,25%
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>	<b>56.611.537</b>		<b>2.618.853.474.049</b>	<b>100,00%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Đông Sik  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>937.933.928.377</b>	<b>168.121.424.640</b>
01.1	Điều chỉnh lãi do việc mua lại chứng chỉ quỹ		(53.821.894.558)	(671.355.105)
01.2	Điều chỉnh lỗ do việc mua hồ chứng khoán giao dịch		333.617.500	1.641.133.950
<b>02</b>	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>		<b>(689.560.502.925)</b>	<b>(149.451.755.107)</b>
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(689.706.302.925)	(149.592.155.107)
04	Chi phí trích trước		145.800.000	140.400.000
<b>05</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>194.885.148.394</b>	<b>19.639.448.378</b>
20	Tăng các khoản đầu tư		(215.294.894.817)	(290.389.399.688)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(400.150.000)	(711.400.000)
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(147.900.000)	(132.900.000)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		931.485.729	1.160.099.527
<b>19</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(20.026.310.694)</b>	<b>(270.434.151.783)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		26.309.725.878	272.036.317.892
22	2. Tiền chi từ phát hành chứng chỉ quỹ		(2.445.263.394)	(58.843.270)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>23.864.462.484</b>	<b>271.977.474.622</b>
<b>40</b>	<b>III. Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>3.838.151.790</b>	<b>1.543.322.839</b>

(\*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>2.652.502.659</b>	<b>1.109.179.820</b>
52	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
52.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		2.652.502.659	1.109.179.820
52.2	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	-
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>6.490.654.449</b>	<b>2.652.502.659</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		6.490.654.449	2.652.502.659
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>3.838.151.790</b>	<b>1.543.322.839</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Hyun Dong Sik  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1.1 Thông tin về Quỹ

##### Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.909.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 190.900.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

##### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

##### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

#### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

##### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 71.000.000.000 đồng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 1.909.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 190.900.000 chứng chỉ quỹ.

##### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

###### Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

###### Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

##### Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ** (tiếp theo)

**1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ** (tiếp theo)

**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2.6 *Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### 3.4 Các khoản đầu tư

##### *Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

##### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- + Giá trị sổ sách; hoặc
- + Giá mua; hoặc
- + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

*Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

*Lãi/lỗ bán các khoản đầu tư*

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoàn đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

#### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một năm (01) đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai năm (02) đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

#### 3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

##### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

##### *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

##### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ. Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

##### *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư*

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết*

Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

#### 3.9 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

##### *Giá dịch vụ quản lý quỹ*

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,55% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi Ngày định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

##### *Giá dịch vụ phí lưu ký*

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ lưu ký
NAV dưới 600 tỷ đồng	0,06%/NAV/năm
NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	0,05%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,04%/NAV/năm

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí (tiếp theo)

##### *Giá dịch vụ giám sát*

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

##### *Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán*

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

##### *Giá dịch vụ quản trị Quỹ*

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ quản trị Quỹ
NAV dưới 1.000 tỷ đồng	0,03%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,02%/NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

##### *Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Trước ngày 01 tháng 10 năm 2025, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 trở đi, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 5.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 7.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 10.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B08-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Chi phí* (tiếp theo)

##### *Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu*

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

##### *Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu*

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

##### *Thù lao Ban Đại diện Quỹ*

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

#### 3.10 *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

##### a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

##### b. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định hiện hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

#### 3.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

### 4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát cho hoạt động của quỹ ETF	<b>6.490.654.449</b>	<b>2.652.502.659</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá vốn VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>					
Cổ phiếu niêm yết	1.794.846.482.887	2.607.291.798.600	842.483.125.272	(30.037.809.559)	2.607.291.798.600
Quyền mua chứng khoán	-	3.755.221.000	3.755.221.000	-	3.755.221.000
	<b>1.794.846.482.887</b>	<b>2.611.047.019.600</b>	<b>846.238.346.272</b>	<b>(30.037.809.559)</b>	<b>2.611.047.019.600</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>					
Cổ phiếu niêm yết	1.651.227.256.012	1.777.721.489.800	192.043.513.344	(65.549.279.556)	1.777.721.489.800
	<b>1.651.227.256.012</b>	<b>1.777.721.489.800</b>	<b>192.043.513.344</b>	<b>(65.549.279.556)</b>	<b>1.777.721.489.800</b>
<b>Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập</b>				<b>689.706.302.925</b>	

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế lao ban đại diện Quỹ	<b>1.500.000</b>	<b>1.500.000</b>

**7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phí kiểm toán	145.800.000	140.400.000
Thuế lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	13.500.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	-	7.500.000
	<b>159.300.000</b>	<b>161.400.000</b>

**8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phí quản lý Quỹ ETF	1.174.355.144	819.867.014
Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	664.755.861	400.577.064
Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (INAV) trả HOSE	664.755.861	400.577.064
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	85.407.647	59.626.694
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	46.974.204	32.794.678
Phí dịch vụ giám sát	46.974.204	32.794.678
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	16.500.000
	<b>2.694.222.921</b>	<b>1.762.737.192</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	233.300.000	15.500.000	248.800.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	2.333.000.000.000	155.000.000.000	2.488.000.000.000
Thặng dư vốn	(408.973.339.291)	(2.861.319.122)	(411.834.658.413)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	1.924.026.660.709	152.138.680.878	2.076.165.341.587
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	(35.000.000)	(22.900.000)	(57.900.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(350.000.000.000)	(229.000.000.000)	(579.000.000.000)
Thặng dư vốn	101.963.848.145	(24.438.163.394)	77.525.684.751
Tổng giá trị hoàn đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	(248.036.151.855)	(253.438.163.394)	(501.474.315.249)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>198.300.000</b>	<b>(7.400.000)</b>	<b>190.900.000</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>1.675.990.508.854</b>	<b>(101.299.482.516)</b>	<b>1.574.691.026.338</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>103.373.496.413</b>	<b>937.933.928.377</b>	<b>1.041.307.424.790</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>1.779.364.005.267</b>	<b>836.634.445.861</b>	<b>2.615.998.451.128</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ</b>	<b>8.973,09</b>		<b>13.703,50</b>

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	(23.120.737.375)	248.227.625.452	225.106.888.077
Lợi nhuận chưa thực hiện	126.494.233.788	689.706.302.925	816.200.536.713
	<b>103.373.496.413</b>	<b>937.933.928.377</b>	<b>1.041.307.424.790</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

11. CỐ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Cố tức được chia	39.224.291.750	23.926.613.870
- <i>Cố tức đã nhận</i>	37.908.491.750	23.010.963.870
- <i>Dự thu cố tức chưa đến ngày nhận</i>	1.315.800.000	915.650.000
Tiền lãi được nhận	25.598.413	12.826.238
	<b>39.249.890.163</b>	<b>23.939.440.106</b>

12. LỢI NHUẬN BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lợi nhuận từ giao dịch mua bán chứng khoán	174.235.524.817	5.303.384.688
Lợi nhuận từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ	53.821.894.558	671.355.105
Lỗ từ việc giao dịch chứng khoán hạn chế	(333.617.500)	(1.641.133.950)
	<b>227.723.801.875</b>	<b>4.333.605.843</b>

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	<i>Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND</i>	<i>Lãi(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			
Lợi nhuận bán các khoản đầu tư	839.141.730.000	664.906.205.183	174.235.524.817
Lợi nhuận trong giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	250.992.900.000	197.171.005.442	53.821.894.558
Lỗ từ việc giao dịch chứng khoán hạn chế	1.641.133.950	1.974.751.450	(333.617.500)
	<b>1.091.775.763.950</b>	<b>864.051.962.075</b>	<b>227.723.801.875</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	1.276.462.203	180.221.285
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	1.070.366.944	144.880.386
	<b>2.346.829.147</b>	<b>325.101.671</b>

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	855.942.474	512.069.839
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	186.075.467	112.303.304
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	107.239.107	62.542.882
	<b>1.149.257.048</b>	<b>686.916.025</b>

15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	1.121.508.547	596.370.872
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	1.121.508.547	596.370.872
	<b>2.243.017.094</b>	<b>1.192.741.744</b>

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Chi phí quản lý niêm yết trả HOSE	30.000.000	30.000.000
Chi phí thiết kế, in ấn, gửi thư	26.484.344	80.728.124
Phí thực hiện quyền trả VSD	24.950.000	20.200.000
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	13.600.000	14.500.000
Chi phí ngân hàng	8.383.747	5.249.704
Chi phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	7.500.000	7.500.000
	<b>170.918.091</b>	<b>218.177.828</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2025	1.779.327.390.049	198.300.000	8.972,90	(0,19)
2	02/01/2025	1.777.241.627.125	198.300.000	8.962,38	(10,52)
3	05/01/2025	1.747.310.973.580	198.300.000	8.811,45	(150,93)
4	06/01/2025	1.737.317.348.484	198.300.000	8.761,05	(50,40)
5	07/01/2025	1.740.222.525.664	198.300.000	8.775,70	14,65
6	08/01/2025	1.741.990.887.533	198.300.000	8.784,62	8,92
7	09/01/2025	1.734.289.988.620	198.300.000	8.745,78	(38,84)
8	12/01/2025	1.710.946.616.319	198.300.000	8.628,07	(117,71)
9	13/01/2025	1.717.646.660.509	198.300.000	8.661,85	33,78
10	14/01/2025	1.705.549.013.826	198.300.000	8.600,85	(61,00)
11	15/01/2025	1.716.620.100.052	198.300.000	8.656,68	55,83
12	16/01/2025	1.723.977.190.220	198.300.000	8.693,78	37,10
13	19/01/2025	1.737.373.619.770	198.300.000	8.761,33	67,55
14	20/01/2025	1.741.907.346.320	198.300.000	8.784,20	22,87
15	21/01/2025	1.739.040.947.462	198.300.000	8.769,74	(14,46)
16	22/01/2025	1.732.284.808.020	198.300.000	8.735,67	(34,07)
17	23/01/2025	1.762.364.889.618	198.300.000	8.887,36	151,69
18	30/01/2025	1.768.545.977.420	198.300.000	8.918,53	31,17
19	31/01/2025	1.768.509.579.736	198.300.000	8.918,35	(0,18)
20	02/02/2025	1.768.436.713.309	198.300.000	8.917,98	(0,37)
21	03/02/2025	1.741.906.562.334	198.300.000	8.784,19	(133,79)
22	04/02/2025	1.754.048.328.037	198.300.000	8.845,42	61,23
23	05/02/2025	1.759.483.764.936	198.300.000	8.872,83	27,41
24	06/02/2025	1.766.367.358.580	198.300.000	8.907,55	34,72
25	09/02/2025	1.771.817.975.351	198.300.000	8.935,03	27,48
26	10/02/2025	1.758.628.349.253	198.300.000	8.868,52	(66,51)
27	11/02/2025	1.768.540.383.922	198.300.000	8.918,50	49,98
28	12/02/2025	1.764.884.204.418	198.300.000	8.900,07	(18,43)
29	13/02/2025	1.767.626.667.613	198.300.000	8.913,90	13,83
30	16/02/2025	1.771.150.729.788	198.300.000	8.931,67	17,77
31	17/02/2025	1.762.520.007.426	198.300.000	8.888,14	(43,53)
32	18/02/2025	1.793.697.204.220	201.300.000	8.910,56	22,42
33	19/02/2025	1.803.374.440.303	201.300.000	8.958,64	48,08
34	20/02/2025	1.809.795.108.091	201.300.000	8.990,53	31,89
35	23/02/2025	1.815.421.364.464	201.300.000	9.018,48	27,95
36	24/02/2025	1.829.861.282.858	201.300.000	9.090,21	71,73
37	25/02/2025	1.824.511.335.403	201.300.000	9.063,64	(26,57)
38	26/02/2025	1.824.476.861.024	201.300.000	9.063,47	(0,17)
39	27/02/2025	1.828.542.855.294	201.300.000	9.083,67	20,20
40	28/02/2025	1.818.867.844.208	201.300.000	9.035,60	(48,07)
41	02/03/2025	1.818.793.024.991	201.300.000	9.035,23	(0,37)
42	03/03/2025	1.825.098.570.578	201.300.000	9.066,56	31,33
43	04/03/2025	1.834.184.495.585	201.300.000	9.111,69	45,13
44	05/03/2025	1.828.716.476.863	201.300.000	9.084,53	(27,16)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
45	06/03/2025	1.849.733.563.658	201.300.000	9.188,93	104,40
46	09/03/2025	1.863.250.643.848	201.300.000	9.256,08	67,15
47	10/03/2025	1.864.953.314.577	201.300.000	9.264,54	8,46
48	11/03/2025	1.868.263.997.615	201.300.000	9.280,99	16,45
49	12/03/2025	1.866.660.344.504	201.300.000	9.273,02	(7,97)
50	13/03/2025	1.859.804.168.838	201.300.000	9.238,96	(34,06)
51	16/03/2025	1.859.327.249.431	201.300.000	9.236,59	(2,37)
52	17/03/2025	1.869.842.205.112	201.300.000	9.288,83	52,24
53	18/03/2025	1.861.419.359.025	201.300.000	9.246,99	(41,84)
54	19/03/2025	1.846.629.453.315	201.300.000	9.173,51	(73,48)
55	20/03/2025	1.857.538.631.619	202.300.000	9.182,09	8,58
56	23/03/2025	1.856.519.888.887	202.300.000	9.177,06	(5,03)
57	24/03/2025	1.873.219.045.510	202.300.000	9.259,60	82,54
58	25/03/2025	1.879.857.969.632	203.300.000	9.246,71	(12,89)
59	26/03/2025	1.869.911.132.737	203.300.000	9.197,79	(48,92)
60	27/03/2025	1.868.227.783.332	203.300.000	9.189,51	(8,28)
61	30/03/2025	1.860.469.288.085	203.400.000	9.146,84	(42,67)
62	31/03/2025	1.846.820.426.821	203.400.000	9.079,74	(67,10)
63	01/04/2025	1.864.415.546.340	203.400.000	9.166,25	86,51
64	02/04/2025	1.864.408.809.346	203.400.000	9.166,21	(0,04)
65	03/04/2025	1.737.473.823.761	203.400.000	8.542,15	(624,06)
66	07/04/2025	1.733.739.843.172	203.400.000	8.523,79	(18,36)
67	08/04/2025	1.637.284.930.627	205.400.000	7.971,20	(552,59)
68	09/04/2025	1.621.180.825.868	208.400.000	7.779,17	(192,03)
69	10/04/2025	1.727.080.940.124	207.700.000	8.315,26	536,09
70	13/04/2025	1.810.775.040.668	207.700.000	8.718,22	402,96
71	14/04/2025	1.832.737.391.533	207.700.000	8.823,96	105,74
72	15/04/2025	1.811.797.328.402	207.700.000	8.723,14	(100,82)
73	16/04/2025	1.787.527.946.029	207.700.000	8.606,29	(116,85)
74	17/04/2025	1.801.013.295.317	207.700.000	8.671,22	64,93
75	20/04/2025	1.805.335.148.464	207.700.000	8.692,03	20,81
76	21/04/2025	1.788.784.298.226	207.700.000	8.612,34	(79,69)
77	22/04/2025	1.785.056.960.146	207.700.000	8.594,40	(17,94)
78	23/04/2025	1.802.505.235.981	207.700.000	8.678,40	84,00
79	24/04/2025	1.814.384.996.263	207.700.000	8.735,60	57,20
80	25/04/2025	1.822.229.310.711	207.700.000	8.773,37	37,77
81	27/04/2025	1.822.154.994.070	207.700.000	8.773,01	(0,36)
82	28/04/2025	1.818.388.710.729	207.700.000	8.754,88	(18,13)
83	30/04/2025	1.812.200.775.307	207.700.000	8.725,08	(29,80)
84	01/05/2025	1.812.163.499.755	207.700.000	8.724,90	(0,18)
85	04/05/2025	1.812.051.675.448	207.700.000	8.724,37	(0,53)
86	05/05/2025	1.826.747.881.500	207.700.000	8.795,12	70,75
87	06/05/2025	1.825.647.063.833	207.700.000	8.789,82	(5,30)
88	07/05/2025	1.832.702.032.654	207.700.000	8.823,79	33,97
89	08/05/2025	1.869.010.725.855	207.700.000	8.998,60	174,81

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
90	11/05/2025	1.870.447.327.926	207.700.000	9.005,52	6,92
91	12/05/2025	1.897.757.201.085	207.700.000	9.137,01	131,49
92	13/05/2025	1.913.711.236.159	207.700.000	9.213,82	76,81
93	14/05/2025	1.937.932.475.147	207.700.000	9.330,44	116,62
94	15/05/2025	1.944.599.180.065	207.700.000	9.362,53	32,09
95	18/05/2025	1.920.893.672.359	207.700.000	9.248,40	(114,13)
96	19/05/2025	1.919.523.523.681	207.600.000	9.246,25	(2,15)
97	20/05/2025	1.958.944.210.735	207.500.000	9.431,05	184,80
98	21/05/2025	1.973.292.484.680	207.500.000	9.509,84	78,79
99	22/05/2025	1.958.761.362.803	207.400.000	9.444,36	(65,48)
100	25/05/2025	1.960.837.175.030	207.300.000	9.458,93	14,57
101	26/05/2025	1.980.035.516.695	207.200.000	9.556,15	97,22
102	27/05/2025	1.983.053.090.154	207.000.000	9.579,96	23,81
103	28/05/2025	1.989.567.886.002	207.000.000	9.611,43	31,47
104	29/05/2025	1.988.675.564.844	207.000.000	9.607,12	(4,31)
105	31/05/2025	1.977.660.538.864	207.000.000	9.553,91	(53,21)
106	01/06/2025	1.977.619.924.693	207.000.000	9.553,71	(0,20)
107	02/06/2025	1.976.686.502.193	207.000.000	9.549,21	(4,50)
108	03/06/2025	1.997.236.697.278	207.000.000	9.648,48	99,27
109	04/06/2025	1.993.599.787.401	207.000.000	9.630,91	(17,57)
110	05/06/2025	1.989.540.163.315	207.000.000	9.611,30	(19,61)
111	08/06/2025	1.970.791.345.142	207.000.000	9.520,73	(90,57)
112	09/06/2025	1.941.115.239.031	207.000.000	9.377,36	(143,37)
113	10/06/2025	1.952.846.578.732	207.000.000	9.434,04	56,68
114	11/06/2025	1.953.264.767.993	207.000.000	9.436,06	2,02
115	12/06/2025	1.964.501.845.722	207.000.000	9.490,34	54,28
116	15/06/2025	1.905.882.405.232	202.400.000	9.416,41	(73,93)
117	16/06/2025	1.931.861.647.011	202.400.000	9.544,77	128,36
118	17/06/2025	1.946.816.271.902	202.400.000	9.618,65	73,88
119	18/06/2025	1.948.950.703.619	202.400.000	9.629,20	10,55
120	19/06/2025	1.957.499.499.471	202.400.000	9.671,44	42,24
121	22/06/2025	1.951.805.332.268	202.400.000	9.643,30	(28,14)
122	23/06/2025	1.969.603.712.401	202.400.000	9.731,24	87,94
123	24/06/2025	1.989.226.786.467	202.400.000	9.828,19	96,95
124	25/06/2025	1.992.653.046.428	202.400.000	9.845,12	16,93
125	26/06/2025	1.990.051.930.755	202.400.000	9.832,27	(12,85)
126	29/06/2025	2.006.672.699.922	202.400.000	9.914,39	82,12
127	30/06/2025	2.009.716.617.304	202.400.000	9.929,42	15,03
128	01/07/2025	2.007.768.008.553	202.400.000	9.919,80	(9,62)
129	02/07/2025	2.016.673.025.790	202.400.000	9.963,79	43,99
130	03/07/2025	2.014.530.912.740	202.400.000	9.953,21	(10,58)
131	06/07/2025	2.024.645.664.275	202.400.000	10.003,19	49,98
132	07/07/2025	2.051.634.082.798	202.400.000	10.136,53	133,34
133	08/07/2025	2.079.604.111.104	202.400.000	10.274,72	138,19
134	09/07/2025	2.098.593.953.009	202.400.000	10.368,54	93,82
135	10/07/2025	2.133.966.827.241	202.400.000	10.543,31	174,77
136	13/07/2025	2.167.351.304.620	202.400.000	10.708,25	164,94

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
137	14/07/2025	2.183.138.887.789	202.400.000	10.786,25	78,00
138	15/07/2025	2.167.043.014.922	202.400.000	10.706,73	(79,52)
139	16/07/2025	2.222.067.065.714	204.900.000	10.844,64	137,91
140	17/07/2025	2.206.111.895.248	200.900.000	10.981,14	136,50
141	20/07/2025	2.218.430.209.580	200.900.000	11.042,45	61,31
142	21/07/2025	2.197.064.787.209	200.900.000	10.936,11	(106,34)
143	22/07/2025	2.234.657.559.280	200.900.000	11.123,23	187,12
144	23/07/2025	2.232.835.843.718	201.100.000	11.103,11	(20,12)
145	24/07/2025	2.246.095.667.079	201.100.000	11.169,04	65,93
146	27/07/2025	2.256.883.428.241	201.100.000	11.222,69	53,65
147	28/07/2025	2.235.345.121.721	196.100.000	11.399,00	176,31
148	29/07/2025	2.137.420.735.871	196.100.000	10.899,64	(499,36)
149	30/07/2025	2.149.891.281.252	196.100.000	10.963,23	63,59
150	31/07/2025	2.129.349.166.267	196.100.000	10.858,48	(104,75)
151	03/08/2025	2.127.723.114.648	196.100.000	10.850,19	(8,29)
152	04/08/2025	2.177.592.851.826	196.100.000	11.104,50	254,31
153	05/08/2025	2.229.018.375.383	196.100.000	11.366,74	262,24
154	06/08/2025	2.272.367.113.435	196.100.000	11.587,79	221,05
155	07/08/2025	2.287.303.667.479	196.100.000	11.663,96	76,17
156	10/08/2025	2.279.545.648.626	196.100.000	11.624,40	(39,56)
157	11/08/2025	2.296.389.238.100	196.100.000	11.710,29	85,89
158	12/08/2025	2.312.747.151.823	196.000.000	11.799,73	89,44
159	13/08/2025	2.311.531.177.542	196.000.000	11.793,52	(6,21)
160	14/08/2025	2.364.250.321.885	196.000.000	12.062,50	268,98
161	17/08/2025	2.350.250.597.467	196.000.000	11.991,07	(71,43)
162	18/08/2025	2.354.307.492.487	196.000.000	12.011,77	20,70
163	19/08/2025	2.385.975.251.190	196.000.000	12.173,34	161,57
164	20/08/2025	2.369.112.521.987	192.700.000	12.294,30	120,96
165	21/08/2025	2.429.218.603.894	192.700.000	12.606,22	311,92
166	24/08/2025	2.350.231.178.414	192.700.000	12.196,32	(409,90)
167	25/08/2025	2.310.179.118.896	192.700.000	11.988,47	(207,85)
168	26/08/2025	2.395.493.470.114	192.700.000	12.431,20	442,73
169	27/08/2025	2.394.805.364.725	192.700.000	12.427,63	(3,57)
170	28/08/2025	2.411.582.276.156	192.700.000	12.514,69	87,06
171	31/08/2025	2.416.849.089.633	192.700.000	12.542,02	27,33
172	02/09/2025	2.416.748.824.872	192.700.000	12.541,50	(0,52)
173	03/09/2025	2.407.962.292.114	192.600.000	12.502,40	(39,10)
174	04/09/2025	2.438.977.176.087	192.600.000	12.663,43	161,03
175	07/09/2025	2.389.498.396.470	192.600.000	12.406,53	(256,90)
176	08/09/2025	2.372.795.980.430	195.300.000	12.149,49	(257,04)
177	09/09/2025	2.396.307.048.740	195.300.000	12.269,87	120,38
178	10/09/2025	2.400.771.479.874	195.300.000	12.292,73	22,86
179	11/09/2025	2.435.432.893.143	195.300.000	12.470,21	177,48
180	14/09/2025	2.448.893.536.303	195.300.000	12.539,13	68,92
181	15/09/2025	2.463.660.123.137	195.300.000	12.614,74	75,61

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
182	16/09/2025	2.461.819.991.632	195.300.000	12.605,32	(9,42)
183	17/09/2025	2.453.265.767.044	195.300.000	12.581,52	(43,80)
184	18/09/2025	2.443.869.348.796	195.300.000	12.513,41	(48,11)
185	21/09/2025	2.440.973.907.925	195.300.000	12.498,58	(14,83)
186	22/09/2025	2.388.483.764.890	195.300.000	12.229,81	(268,77)
187	23/09/2025	2.390.966.873.952	195.300.000	12.242,53	12,72
188	24/09/2025	2.433.010.273.254	195.300.000	12.457,80	215,27
189	25/09/2025	2.441.035.229.325	195.300.000	12.498,90	41,10
190	28/09/2025	2.433.176.344.799	195.300.000	12.458,66	(40,24)
191	29/09/2025	2.445.693.742.692	195.300.000	12.522,75	64,09
192	30/09/2025	2.450.284.162.847	195.300.000	12.546,25	23,50
193	01/10/2025	2.460.137.144.979	195.300.000	12.596,70	50,45
194	02/10/2025	2.445.857.102.334	195.300.000	12.523,58	(73,12)
195	05/10/2025	2.445.676.327.101	195.300.000	12.522,66	(0,92)
196	06/10/2025	2.523.691.976.122	195.300.000	12.922,12	399,46
197	07/10/2025	2.511.384.026.927	195.300.000	12.859,10	(63,02)
198	08/10/2025	2.528.819.104.635	195.300.000	12.948,38	89,28
199	09/10/2025	2.552.351.319.914	195.300.000	13.068,87	120,49
200	12/10/2025	2.604.297.788.582	195.300.000	13.334,85	265,98
201	13/10/2025	2.645.812.093.008	195.300.000	13.547,42	212,57
202	14/10/2025	2.647.955.616.193	195.300.000	13.558,40	10,98
203	15/10/2025	2.642.482.835.783	195.300.000	13.530,37	(28,03)
204	16/10/2025	2.663.311.350.904	195.300.000	13.637,02	106,65
205	19/10/2025	2.603.849.205.188	195.300.000	13.332,56	(304,46)
206	20/10/2025	2.450.256.969.788	194.200.000	12.617,18	(715,38)
207	21/10/2025	2.509.030.669.014	194.200.000	12.919,82	302,64
208	22/10/2025	2.528.557.554.242	194.200.000	13.020,37	100,55
209	23/10/2025	2.547.965.886.064	194.200.000	13.120,31	99,94
210	26/10/2025	2.546.304.592.219	194.200.000	13.111,76	(8,55)
211	27/10/2025	2.474.888.914.241	193.100.000	12.816,61	(295,15)
212	28/10/2025	2.537.824.929.876	193.100.000	13.142,54	325,93
213	29/10/2025	2.538.364.331.116	193.100.000	13.145,33	2,79
214	30/10/2025	2.506.398.561.994	193.100.000	12.979,79	(165,54)
215	31/10/2025	2.455.596.678.536	193.100.000	12.716,70	(263,09)
216	02/11/2025	2.455.494.467.496	193.100.000	12.716,18	(0,52)
217	03/11/2025	2.420.119.782.775	193.100.000	12.532,98	(183,20)
218	04/11/2025	2.471.899.425.561	193.100.000	12.801,13	268,15
219	05/11/2025	2.457.199.416.895	193.100.000	12.725,00	(76,13)
220	06/11/2025	2.435.201.355.147	193.100.000	12.611,08	(113,92)
221	09/11/2025	2.376.611.642.913	193.100.000	12.307,67	(303,41)
222	10/11/2025	2.336.423.445.817	192.000.000	12.168,87	(138,80)
223	11/11/2025	2.358.922.921.820	192.000.000	12.286,05	117,18
224	12/11/2025	2.424.475.864.452	192.000.000	12.627,47	341,42
225	13/11/2025	2.414.105.249.850	192.000.000	12.573,46	(54,01)
226	16/11/2025	2.423.478.778.484	192.000.000	12.622,28	48,82

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
227	17/11/2025	2.437.888.500.841	190.900.000	12.770,50	148,22
228	18/11/2025	2.443.595.187.841	190.900.000	12.800,39	29,89
229	19/11/2025	2.428.169.031.443	190.900.000	12.719,58	(80,81)
230	20/11/2025	2.442.565.377.421	190.900.000	12.794,99	75,41
231	23/11/2025	2.445.549.880.356	190.900.000	12.810,63	15,64
232	24/11/2025	2.466.703.454.673	190.900.000	12.921,44	110,81
233	25/11/2025	2.457.955.501.310	190.900.000	12.875,61	(45,83)
234	26/11/2025	2.475.840.760.562	190.900.000	12.969,30	93,69
235	27/11/2025	2.472.743.027.319	190.900.000	12.953,08	(16,22)
236	30/11/2025	2.476.110.791.816	190.900.000	12.970,72	17,64
237	01/12/2025	2.491.244.384.999	190.900.000	13.049,99	79,27
238	02/12/2025	2.512.494.591.466	190.900.000	13.161,31	111,32
239	03/12/2025	2.540.592.707.183	190.900.000	13.308,50	147,19
240	04/12/2025	2.550.226.720.421	190.900.000	13.358,96	50,46
241	07/12/2025	2.544.898.099.889	190.900.000	13.331,05	(27,91)
242	08/12/2025	2.555.617.106.545	190.900.000	13.387,20	56,15
243	09/12/2025	2.541.660.009.753	190.900.000	13.314,09	(73,11)
244	10/12/2025	2.508.024.560.246	190.900.000	13.137,89	(176,20)
245	11/12/2025	2.478.725.528.012	190.900.000	12.984,41	(153,48)
246	14/12/2025	2.404.800.498.117	190.900.000	12.597,17	(387,24)
247	15/12/2025	2.408.359.519.919	190.900.000	12.615,81	18,64
248	16/12/2025	2.459.871.135.311	190.900.000	12.885,65	269,84
249	17/12/2025	2.444.464.384.252	190.900.000	12.804,94	(80,71)
250	18/12/2025	2.451.520.886.771	190.900.000	12.841,91	36,97
251	21/12/2025	2.489.779.804.414	190.900.000	13.042,32	200,41
252	22/12/2025	2.556.734.391.747	190.900.000	13.393,05	350,73
253	23/12/2025	2.592.250.415.224	190.900.000	13.579,10	186,05
254	24/12/2025	2.606.727.129.081	190.900.000	13.654,93	75,83
255	25/12/2025	2.546.256.126.204	190.900.000	13.338,16	(316,77)
256	26/12/2025	2.532.912.452.495	190.900.000	13.268,26	(69,90)
257	29/12/2025	2.564.633.600.311	190.900.000	13.434,43	166,17
258	30/12/2025	2.589.095.141.904	190.900.000	13.562,57	128,14
259	31/12/2025	2.615.998.451.128	190.900.000	13.703,50	140,93

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 2.122.244.094.825

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND) 715,38

- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,04

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 13.703,50

- Mức thấp nhất trong năm (VND) 7.779,17

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VN30**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2024	575.607.599.749	77.200.000	7.456,05	(0,17)
2	02/01/2024	575.692.669.143	77.200.000	7.457,15	1,10
3	03/01/2024	582.393.677.214	77.200.000	7.543,95	86,80
4	04/01/2024	588.345.027.805	77.200.000	7.621,04	77,09
5	07/01/2024	590.727.043.273	77.200.000	7.651,90	30,86
6	08/01/2024	591.924.212.973	77.200.000	7.667,41	15,51
7	09/01/2024	590.227.212.670	77.200.000	7.645,43	(21,98)
8	10/01/2024	591.470.561.675	77.200.000	7.661,53	16,10
9	11/01/2024	591.903.932.086	77.200.000	7.667,14	5,61
10	14/01/2024	591.918.524.687	77.200.000	7.667,33	0,19
11	15/01/2024	590.704.762.627	77.200.000	7.651,61	(15,72)
12	16/01/2024	595.205.688.237	77.200.000	7.709,91	58,30
13	17/01/2024	593.372.291.720	77.200.000	7.686,16	(23,75)
14	18/01/2024	604.801.326.952	78.200.000	7.734,03	47,87
15	21/01/2024	610.998.794.681	78.200.000	7.813,28	79,25
16	22/01/2024	613.218.314.942	78.200.000	7.841,86	28,38
17	23/01/2024	610.262.090.592	78.200.000	7.803,86	(37,80)
18	24/01/2024	607.980.410.483	78.200.000	7.774,68	(29,18)
19	25/01/2024	606.973.676.968	78.200.000	7.761,81	(12,87)
20	28/01/2024	609.656.828.586	78.200.000	7.796,12	34,31
21	29/01/2024	607.768.128.115	78.200.000	7.771,97	(24,15)
22	30/01/2024	609.054.864.149	78.200.000	7.788,42	16,45
23	31/01/2024	601.123.908.044	78.200.000	7.687,00	(101,42)
24	01/02/2024	604.725.790.997	78.200.000	7.733,06	46,06
25	04/02/2024	605.394.115.288	78.200.000	7.741,61	8,55
26	05/02/2024	616.865.052.902	78.200.000	7.888,29	146,68
27	06/02/2024	617.887.328.673	78.200.000	7.901,37	13,08
28	08/02/2024	624.827.821.686	78.200.000	7.990,12	88,75
29	14/02/2024	624.744.299.381	78.200.000	7.989,05	(1,07)
30	15/02/2024	627.004.219.657	78.200.000	8.017,95	28,90
31	18/02/2024	630.776.498.502	78.200.000	8.066,19	48,24
32	19/02/2024	638.820.693.511	78.200.000	8.169,06	102,87
33	20/02/2024	639.557.889.010	78.200.000	8.178,48	9,42
34	21/02/2024	639.770.130.731	78.200.000	8.181,20	2,72
35	22/02/2024	638.629.361.087	78.200.000	8.166,61	(14,59)
36	25/02/2024	629.935.630.142	78.200.000	8.055,44	(111,17)
37	26/02/2024	635.188.455.081	78.200.000	8.122,61	67,17
38	27/02/2024	642.692.878.358	78.200.000	8.218,57	95,96
39	28/02/2024	651.659.846.157	78.200.000	8.333,24	114,67
40	29/02/2024	651.853.068.723	78.200.000	8.335,71	2,47
41	03/03/2024	652.442.261.861	78.200.000	8.343,25	7,54
42	04/03/2024	653.176.369.186	78.200.000	8.352,63	9,38
43	05/03/2024	659.156.672.195	78.200.000	8.429,11	76,48
44	06/03/2024	654.451.521.214	78.200.000	8.368,94	(60,17)

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VN30**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
45	07/03/2024	657.258.744.223	78.200.000	8.404,84	35,90
46	10/03/2024	643.640.009.683	78.200.000	8.230,69	(174,15)
47	11/03/2024	627.733.335.347	77.200.000	8.131,26	(99,43)
48	12/03/2024	631.328.590.545	77.200.000	8.177,83	46,57
49	13/03/2024	646.584.721.447	77.200.000	8.375,44	197,61
50	14/03/2024	640.492.760.471	77.200.000	8.296,53	(78,91)
51	17/03/2024	638.833.056.567	77.200.000	8.275,03	(21,50)
52	18/03/2024	628.323.900.019	77.200.000	8.138,91	(136,12)
53	19/03/2024	627.797.687.575	77.200.000	8.132,09	(6,82)
54	20/03/2024	640.133.575.109	77.200.000	8.291,88	159,79
55	21/03/2024	651.558.590.106	77.200.000	8.439,87	147,99
56	24/03/2024	652.825.009.901	77.200.000	8.456,28	16,41
57	25/03/2024	645.621.409.624	77.200.000	8.362,97	(93,31)
58	26/03/2024	653.850.159.244	77.200.000	8.469,56	106,59
59	27/03/2024	655.125.653.107	77.200.000	8.486,08	16,52
60	28/03/2024	662.454.177.191	77.200.000	8.581,01	94,93
61	31/03/2024	659.205.548.875	77.200.000	8.538,93	(42,08)
62	01/04/2024	657.013.825.497	77.200.000	8.510,54	(28,39)
63	02/04/2024	656.833.424.739	77.200.000	8.508,20	(2,34)
64	03/04/2024	647.658.750.993	77.200.000	8.389,36	(118,84)
65	04/04/2024	644.287.178.598	77.200.000	8.345,68	(43,68)
66	07/04/2024	668.209.626.557	80.700.000	8.280,16	(65,52)
67	08/04/2024	666.568.439.042	80.700.000	8.259,83	(20,33)
68	09/04/2024	673.030.809.500	80.700.000	8.339,91	80,08
69	10/04/2024	671.365.983.439	80.700.000	8.319,28	(20,63)
70	11/04/2024	670.841.072.521	80.700.000	8.312,77	(6,51)
71	14/04/2024	682.409.758.074	80.700.000	8.456,13	143,36
72	15/04/2024	652.220.013.235	80.700.000	8.082,03	(374,10)
73	16/04/2024	670.989.126.371	82.700.000	8.113,53	31,50
74	18/04/2024	739.182.015.184	92.700.000	7.973,91	(139,62)
75	21/04/2024	728.938.517.561	92.700.000	7.863,41	(110,50)
76	22/04/2024	784.291.634.657	98.700.000	7.946,21	82,80
77	23/04/2024	780.194.028.515	98.700.000	7.904,70	(41,51)
78	24/04/2024	800.826.282.949	98.700.000	8.113,74	209,04
79	25/04/2024	805.874.946.336	99.200.000	8.123,73	9,99
80	30/04/2024	810.215.659.335	99.200.000	8.167,49	43,76
81	01/05/2024	810.198.114.283	99.200.000	8.167,31	(0,18)
82	02/05/2024	814.560.312.795	99.200.000	8.211,29	43,98
83	03/05/2024	820.018.348.948	99.200.000	8.266,31	55,02
84	05/05/2024	819.982.854.445	99.200.000	8.265,95	(0,36)
85	06/05/2024	832.315.591.204	99.200.000	8.390,27	124,32
86	07/05/2024	838.974.700.179	99.200.000	8.457,40	67,13
87	08/05/2024	838.949.446.048	99.200.000	8.457,15	(0,25)
88	09/05/2024	836.728.564.755	99.200.000	8.434,76	(22,39)
89	12/05/2024	834.058.193.497	99.200.000	8.407,84	(26,92)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
90	13/05/2024	830.813.227.229	99.200.000	8.375,13	(32,71)
91	14/05/2024	834.039.334.758	99.200.000	8.407,65	32,52
92	15/05/2024	842.290.693.973	99.200.000	8.490,83	83,18
93	16/05/2024	854.208.472.187	99.200.000	8.610,97	120,14
94	19/05/2024	855.382.588.233	99.200.000	8.622,80	11,83
95	20/05/2024	856.927.642.506	99.200.000	8.638,38	15,58
96	21/05/2024	856.517.439.190	99.200.000	8.634,24	(4,14)
97	22/05/2024	848.311.226.809	99.200.000	8.551,52	(82,72)
98	23/05/2024	857.899.906.974	99.200.000	8.648,18	96,66
99	26/05/2024	1.133.237.344.325	133.200.000	8.507,78	(140,40)
100	27/05/2024	1.134.433.446.927	133.200.000	8.516,76	8,98
101	28/05/2024	1.169.020.207.593	135.700.000	8.614,73	97,97
102	29/05/2024	1.154.923.837.827	135.700.000	8.510,86	(103,87)
103	30/05/2024	1.150.679.664.089	135.700.000	8.479,58	(31,28)
104	31/05/2024	1.150.720.245.774	135.700.000	8.479,88	0,30
105	02/06/2024	1.150.672.405.476	135.700.000	8.479,53	(0,35)
106	03/06/2024	1.170.150.297.456	135.700.000	8.623,06	143,53
107	04/06/2024	1.173.005.264.535	135.700.000	8.644,10	21,04
108	05/06/2024	1.171.769.066.354	135.700.000	8.634,99	(9,11)
109	06/06/2024	1.174.082.043.031	135.700.000	8.652,04	17,05
110	09/06/2024	1.179.184.167.782	135.700.000	8.689,64	37,60
111	10/06/2024	1.181.906.500.727	135.700.000	8.709,70	20,06
112	11/06/2024	1.179.365.158.907	135.700.000	8.690,97	(18,73)
113	12/06/2024	1.201.438.437.256	135.700.000	8.853,63	162,66
114	13/06/2024	1.203.244.801.938	135.700.000	8.866,94	13,31
115	16/06/2024	1.187.513.377.834	135.700.000	8.751,01	(115,93)
116	17/06/2024	1.181.403.249.891	135.700.000	8.705,99	(45,02)
117	18/06/2024	1.181.539.256.970	135.700.000	8.706,99	1,00
118	19/06/2024	1.202.903.371.270	137.700.000	8.735,68	28,69
119	20/06/2024	1.210.809.892.914	137.700.000	8.793,10	57,42
120	23/06/2024	1.296.287.559.323	147.700.000	8.776,48	(16,62)
121	24/06/2024	1.266.742.396.007	147.700.000	8.576,45	(200,03)
122	25/06/2024	1.291.403.153.110	150.700.000	8.569,36	(7,09)
123	26/06/2024	1.293.884.963.511	150.700.000	8.585,83	16,47
124	27/06/2024	1.291.581.704.132	150.700.000	8.570,54	(15,29)
125	30/06/2024	1.281.347.708.100	150.700.000	8.502,63	(67,91)
126	01/07/2024	1.288.491.274.393	150.700.000	8.550,04	47,41
127	02/07/2024	1.299.058.023.181	150.700.000	8.620,15	70,11
128	03/07/2024	1.308.483.035.850	150.700.000	8.682,70	62,55
129	04/07/2024	1.313.590.101.497	150.700.000	8.716,58	33,88
130	07/07/2024	1.319.345.893.596	150.700.000	8.754,78	38,20
131	08/07/2024	1.318.967.466.399	150.700.000	8.752,27	(2,51)
132	09/07/2024	1.324.896.778.438	150.700.000	8.791,61	39,34
133	10/07/2024	1.313.966.065.570	150.700.000	8.719,08	(72,53)
134	11/07/2024	1.309.236.082.786	150.700.000	8.687,69	(31,39)
135	14/07/2024	1.306.849.853.717	150.700.000	8.671,86	(15,83)
136	15/07/2024	1.302.820.497.298	150.700.000	8.645,12	(26,74)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
137	16/07/2024	1.308.283.864.160	150.700.000	8.681,37	36,25
138	17/07/2024	1.310.333.409.818	150.700.000	8.694,97	13,60
139	18/07/2024	1.312.823.307.044	150.700.000	8.711,50	16,53
140	21/07/2024	1.308.681.510.591	150.700.000	8.684,01	(27,49)
141	22/07/2024	1.305.634.842.129	150.700.000	8.663,80	(20,21)
142	23/07/2024	1.297.734.226.583	152.200.000	8.526,50	(137,30)
143	24/07/2024	1.299.570.163.289	152.200.000	8.538,56	12,06
144	25/07/2024	1.392.948.005.067	164.200.000	8.483,23	(55,33)
145	28/07/2024	1.420.515.873.675	166.200.000	8.547,02	63,79
146	29/07/2024	1.424.783.918.777	166.200.000	8.572,70	25,68
147	30/07/2024	1.427.061.262.203	166.200.000	8.586,40	13,70
148	31/07/2024	1.465.477.074.407	169.200.000	8.661,21	74,81
149	01/08/2024	1.434.925.089.674	169.200.000	8.480,64	(180,57)
150	04/08/2024	1.444.917.808.268	169.200.000	8.539,70	59,06
151	05/08/2024	1.391.198.905.917	169.200.000	8.222,21	(317,49)
152	06/08/2024	1.413.435.903.376	169.200.000	8.353,64	131,43
153	07/08/2024	1.413.891.617.680	169.200.000	8.356,33	2,69
154	08/08/2024	1.402.177.202.281	169.200.000	8.287,09	(69,24)
155	11/08/2024	1.426.342.095.802	169.200.000	8.429,91	142,82
156	12/08/2024	1.450.680.252.499	171.200.000	8.473,59	43,68
157	13/08/2024	1.448.398.960.194	171.300.000	8.455,33	(18,26)
158	14/08/2024	1.450.257.461.435	171.300.000	8.466,18	10,85
159	15/08/2024	1.444.453.770.304	171.300.000	8.432,30	(33,88)
160	18/08/2024	1.474.433.357.170	171.300.000	8.607,31	175,01
161	19/08/2024	1.482.794.101.670	171.300.000	8.656,12	48,81
162	20/08/2024	1.489.838.544.594	171.300.000	8.697,24	41,12
163	21/08/2024	1.503.996.885.123	171.300.000	8.779,90	82,66
164	22/08/2024	1.522.543.186.795	173.300.000	8.785,59	5,69
165	25/08/2024	1.525.425.483.090	173.300.000	8.802,22	16,63
166	26/08/2024	1.522.452.432.770	173.300.000	8.785,06	(17,16)
167	27/08/2024	1.526.676.371.611	173.300.000	8.809,44	24,38
168	28/08/2024	1.528.100.142.050	173.300.000	8.817,65	8,21
169	29/08/2024	1.549.353.709.135	175.300.000	8.838,29	20,64
170	31/08/2024	1.554.945.019.323	175.300.000	8.870,19	31,90
171	03/09/2024	1.554.848.980.157	175.300.000	8.869,64	(0,55)
172	04/09/2024	1.538.706.786.635	175.300.000	8.777,56	(92,08)
173	05/09/2024	1.528.560.746.590	175.300.000	8.719,68	(57,88)
174	08/09/2024	1.535.866.714.189	175.300.000	8.761,36	41,68
175	09/09/2024	1.526.229.378.151	175.300.000	8.706,38	(54,98)
176	10/09/2024	1.510.895.493.065	175.300.000	8.618,91	(87,47)
177	11/09/2024	1.510.663.246.056	175.300.000	8.617,58	(1,33)
178	12/09/2024	1.514.998.092.715	175.300.000	8.642,31	24,73
179	15/09/2024	1.537.702.563.024	178.300.000	8.624,24	(18,07)
180	16/09/2024	1.522.321.577.548	178.300.000	8.537,97	(86,27)
181	17/09/2024	1.548.740.931.442	178.300.000	8.686,15	148,18

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
182	18/09/2024	1.557.365.183.674	178.300.000	8.734,52	48,37
183	19/09/2024	1.566.201.778.788	178.300.000	8.784,08	49,56
184	22/09/2024	1.628.107.249.900	184.300.000	8.834,00	49,92
185	23/09/2024	1.623.364.653.361	184.300.000	8.808,27	(25,73)
186	24/09/2024	1.637.801.603.657	184.300.000	8.886,60	78,33
187	25/09/2024	1.653.991.183.252	184.300.000	8.974,45	87,85
188	26/09/2024	1.662.289.607.125	184.300.000	9.019,47	45,02
189	29/09/2024	1.673.330.520.172	185.300.000	9.030,38	10,91
190	30/09/2024	1.673.282.727.792	185.300.000	9.030,12	(0,26)
191	01/10/2024	1.681.059.484.474	185.300.000	9.072,09	41,97
192	02/10/2024	1.675.621.403.156	185.300.000	9.042,74	(29,35)
193	03/10/2024	1.665.652.565.173	185.300.000	8.988,95	(53,79)
194	06/10/2024	1.652.867.094.668	185.300.000	8.919,95	(69,00)
195	07/10/2024	1.651.945.008.040	185.300.000	8.914,97	(4,98)
196	08/10/2024	1.656.314.340.684	185.300.000	8.938,55	23,58
197	09/10/2024	1.672.249.728.393	185.300.000	9.024,55	86,00
198	10/10/2024	1.682.849.552.475	185.300.000	9.081,75	57,20
199	13/10/2024	1.685.117.846.223	185.300.000	9.093,99	12,24
200	14/10/2024	1.762.084.432.054	194.300.000	9.068,88	(25,11)
201	15/10/2024	1.758.583.440.844	194.300.000	9.050,86	(18,02)
202	16/10/2024	1.755.967.323.845	194.300.000	9.037,40	(13,46)
203	17/10/2024	1.767.312.048.526	194.300.000	9.095,79	58,39
204	20/10/2024	1.766.958.877.448	194.300.000	9.093,97	(1,82)
205	21/10/2024	1.760.881.410.554	194.300.000	9.062,69	(31,28)
206	22/10/2024	1.749.052.281.484	194.300.000	9.001,81	(60,88)
207	23/10/2024	1.750.046.514.075	194.300.000	9.006,93	5,12
208	24/10/2024	1.723.991.957.291	194.300.000	8.872,83	(134,10)
209	27/10/2024	1.718.603.688.374	194.300.000	8.845,10	(27,73)
210	28/10/2024	1.722.177.441.601	194.300.000	8.863,49	18,39
211	29/10/2024	1.731.768.560.309	194.300.000	8.912,85	49,36
212	30/10/2024	1.729.271.438.445	194.300.000	8.900,00	(12,85)
213	31/10/2024	1.735.377.308.115	194.300.000	8.931,43	31,43
214	03/11/2024	1.718.440.885.883	194.300.000	8.844,26	(87,17)
215	04/11/2024	1.701.748.906.244	194.300.000	8.758,35	(85,91)
216	05/11/2024	1.702.459.309.856	194.300.000	8.762,01	3,66
217	06/11/2024	1.723.424.551.061	194.300.000	8.869,91	107,90
218	07/11/2024	1.719.622.614.215	194.300.000	8.850,34	(19,57)
219	10/11/2024	1.707.443.738.773	194.300.000	8.787,66	(62,68)
220	11/11/2024	1.698.483.650.119	194.300.000	8.741,55	(46,11)
221	12/11/2024	1.687.432.709.142	194.300.000	8.684,67	(56,88)
222	13/11/2024	1.690.100.739.477	194.300.000	8.698,40	13,73
223	14/11/2024	1.684.750.277.855	196.300.000	8.582,52	(115,88)
224	17/11/2024	1.681.422.990.600	198.300.000	8.479,18	(103,34)
225	18/11/2024	1.680.067.753.303	198.300.000	8.472,35	(6,83)
226	19/11/2024	1.665.387.080.220	198.300.000	8.398,32	(74,03)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
227	20/11/2024	1.682.073.990.206	198.300.000	8.482,47	84,15
228	21/11/2024	1.701.785.303.486	198.300.000	8.581,87	99,40
229	24/11/2024	1.700.899.386.773	198.300.000	8.577,40	(4,47)
230	25/11/2024	1.708.612.185.140	198.300.000	8.616,29	38,89
231	26/11/2024	1.718.202.032.878	198.300.000	8.664,65	48,36
232	27/11/2024	1.720.604.809.083	198.300.000	8.676,77	12,12
233	28/11/2024	1.721.174.317.717	198.300.000	8.679,64	2,87
234	30/11/2024	1.733.990.378.850	198.300.000	8.744,27	64,63
235	01/12/2024	1.733.954.786.362	198.300.000	8.744,09	(0,18)
236	02/12/2024	1.732.032.794.672	198.300.000	8.734,40	(9,69)
237	03/12/2024	1.732.463.352.995	198.300.000	8.736,57	2,17
238	04/12/2024	1.717.405.685.249	198.300.000	8.660,64	(75,93)
239	05/12/2024	1.769.903.862.801	198.300.000	8.925,38	264,74
240	08/12/2024	1.769.434.326.379	198.300.000	8.923,01	(2,37)
241	09/12/2024	1.767.938.900.837	198.300.000	8.915,47	(7,54)
242	10/12/2024	1.767.451.507.438	198.300.000	8.913,01	(2,46)
243	11/12/2024	1.768.246.533.528	198.300.000	8.917,02	4,01
244	12/12/2024	1.766.979.756.974	198.300.000	8.910,63	(6,39)
245	15/12/2024	1.761.628.534.433	198.300.000	8.883,65	(26,98)
246	16/12/2024	1.761.907.769.548	198.300.000	8.885,06	1,41
247	17/12/2024	1.756.333.203.612	198.300.000	8.856,95	(28,11)
248	18/12/2024	1.759.205.765.415	198.300.000	8.871,43	14,48
249	19/12/2024	1.738.465.919.457	198.300.000	8.766,84	(104,59)
250	22/12/2024	1.743.115.773.858	198.300.000	8.790,29	23,45
251	23/12/2024	1.750.032.321.586	198.300.000	8.825,17	34,88
252	24/12/2024	1.750.327.856.487	198.300.000	8.826,66	1,49
253	25/12/2024	1.775.678.336.881	198.300.000	8.954,50	127,84
254	26/12/2024	1.776.819.735.036	198.300.000	8.960,26	5,76
255	29/12/2024	1.782.195.579.950	198.300.000	8.987,37	27,11
256	30/12/2024	1.782.845.143.663	198.300.000	8.990,64	3,27
257	31/12/2024	1.779.364.005.267	198.300.000	8.973,09	(17,55)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 1.192.695.985.034

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND) 374,10  
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,18

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 9.095,79  
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 7.456,05

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	190.900.000	198.300.000

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**

**19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

**Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ**

Các giao dịch trọng yếu trong năm này như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phi quản lý Quỹ	(819.867.014)	(11.671.838.158)	11.317.350.028	(1.174.355.144)	11.671.838.158
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(15.000.000)	(60.000.000)	60.000.000	(15.000.000)	60.000.000

Các giao dịch trọng yếu trong năm trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phi quản lý Quỹ	(253.607.428)	(6.560.079.522)	5.993.819.936	(819.867.014)	6.560.079.522
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(15.000.000)	(60.000.000)	60.000.000	(15.000.000)	60.000.000

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

## 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

### 19.2 Các hợp đồng then chốt khác

#### Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"): Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký như sau:

Trước ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,06% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Sau ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ lưu ký
NAV dưới 600 tỷ đồng	0,06%/NAV/năm
NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	0,05%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,04%/NAV/năm

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B08-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

**Ngân hàng Giám sát** (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ như sau:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ quản trị Quỹ
NAV dưới 1.000 tỷ đồng	0,03%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,02%/NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm này như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	2.652.502.659 (59.626.694) -	939.232.968.641 (935.394.816.851) (855.942.474) (107.239.107) (466.873.524)	6.490.654.449 830.161.521 107.239.107 452.693.998	- 855.942.474 107.239.107 466.873.524
			(32.794.678)	(466.873.524)	452.693.998	(46.974.204)
						466.873.524

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VN30**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**19.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)**

**Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu trong năm trước như sau:

Đến liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)					
			Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Chi phí VND	
Ngân hàng TMCP	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	1.109.179.820	423.464.382.998	(421.921.060.159)	2.652.502.659	-	
Ngoại thương Việt Nam	Giám sát	Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(27.666.264)	(512.069.839)	480.109.409	(59.626.694)	512.069.839	
		Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(62.542.882)	62.542.882	-	62.542.882	
		Phải trả dịch vụ giám sát	(10.144.297)	(262.403.176)	239.752.795	(32.794.678)	262.403.176	
		Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	(16.500.000)	(291.956.450)	275.661.772	(32.794.678)	291.956.450	

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

	<i>Năm nay</i> (%)	<i>Năm trước</i> (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	0,88	0,82
Tốc độ vòng quay danh mục	39,92	9,47

**20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động**

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

**20.2 Tốc độ vòng quay danh mục**

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở lấy số bình quân giữa tổng giá trị hoán đổi các khoản đầu tư trong năm và tổng giá trị bán ra các khoản đầu tư trong năm chia cho giá trị tài sản ròng bình quân của Quỹ ETF phát sinh trong năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị hoán đổi trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

## 21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

### *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 2.607.291.798.600 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 260.729.179.860 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 260.729.179.860 đồng Việt Nam.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VN30**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yếu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Tài sản</b>			
Tiền gửi tại Ngân hàng			
Giám sát cho hoạt động của quỹ ETF	6.490.654.449	-	6.490.654.449
Các khoản đầu tư	-	2.611.047.019.600	2.611.047.019.600
Các khoản phải thu	-	1.315.800.000	1.315.800.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.490.654.449</b>	<b>2.612.362.819.600</b>	<b>2.618.853.474.049</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Chi phí phải trả	-	159.300.000	159.300.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	2.694.222.921	2.694.222.921
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>2.853.522.921</b>	<b>2.853.522.921</b>
<b>Mức chênh lệch khoản ròng</b>	<b>6.490.654.449</b>	<b>2.609.509.296.679</b>	<b>2.615.999.951.128</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6.490.654.449	6.490.654.449
Các khoản đầu tư thuần	2.611.047.019.600	2.611.047.019.600
- Cổ phiếu niêm yết	2.611.047.019.600	2.611.047.019.600
Các khoản phải thu	1.315.800.000	1.315.800.000
	<b>2.618.853.474.049</b>	<b>2.618.853.474.049</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Chi phí phải trả	159.300.000	159.300.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	2.694.222.921	2.694.222.921
	<b>2.853.522.921</b>	<b>2.853.522.921</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Đông Sik  
Chủ tịch Hội đồng thành viên